

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Bộ có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Thủ Dầu Một. C. Biên Hòa. D. Vũng Tàu.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây là phụ lưu của hệ thống sông Thái Bình?

- A. Kỳ Cùng. B. Bằng Giang. C. Nậm Mu. D. Lục Nam.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, các trạm khí hậu nào sau đây có mùa mưa vào thu-đông?

- A. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang. B. Sa Pa, Lạng Sơn, Hà Nội.
C. Hà Nội, Điện Biên, Lạng Sơn. D. Đà Lạt, Cần Thơ, Cà Mau.

Câu 4: Yếu tố nào sau đây của địa hình quy định hướng dòng chảy của sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam?

- A. Độ cao. B. Hướng nghiêng. C. Hướng dãy núi. D. Tính phân bậc.

Câu 5: Những vùng có hướng núi vòng cung ở nước ta là

- A. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc. B. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
C. Đông Bắc và Tây Bắc. D. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

Câu 6: Miền nào sau đây có diện tích đồng bằng lớn nhất nước ta?

- A. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. B. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
C. Miền Đông Nam Bộ và Nam Bộ. D. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 7: Vùng núi nào sau đây ở nước ta có cảnh quan ôn đới rõ nét nhất?

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 8: Nửa đầu mùa đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta gây nên kiểu thời tiết lạnh khô, ít mưa là do

- A. di chuyển qua lục địa. B. vận tốc gió còn yếu. C. nhiệt độ không khí thấp. D. xuất phát từ áp cao.

Câu 9: Ở Bắc Trung Bộ, loại rừng nào sau đây chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất?

- A. Rừng sản xuất. B. Rừng đặc dụng. C. Rừng phòng hộ. D. Rừng tre nứa.

Câu 10: Hiện nay cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang thay đổi rõ nét, chủ yếu nhờ vào

- A. công nghiệp khai thác. B. khai thác thủy sản.
C. nuôi trồng thủy sản. D. các nghề truyền thống.

Câu 11: Giải pháp quan trọng hàng đầu trong phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. phát triển hệ thống thủy lợi. B. thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. đẩy mạnh xuất khẩu nông sản. D. phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 12: Đại nhiệt đới gió mùa chân núi ở miền Bắc nước ta hạ thấp xuống 600-700m, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. tác động của gió mùa Đông Bắc. B. địa hình phần lớn là đồi núi thấp.
C. có vị trí nằm gần chí tuyến Bắc. D. ít chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam.

Câu 13: Cho bảng số liệu:

Chỉ số giá tiêu dùng của một số nước giai đoạn 2010-2018

Quốc gia	2010	2014	2015	2016	2017	2018
Phi-lip-pin	100%	114,7	115,4	116,9	120,2	126,5
Ma-lai-xi-a	100%	110,5	112,8	115,1	119,6	120,7
Xin-ga-po	100%	113,8	113,2	112,6	113,3	113,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng một số quốc gia giai đoạn 2010-2018, loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Cột. D. Miền.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô của một số nước năm 2019

(Đơn vị: ‰)

Quốc gia	Việt Nam	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia
Tỉ suất sinh thô	16	21	16	23
Tỉ suất tử thô	6	6	5	6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên năm 2019 giữa các nước trên?

- A. Việt Nam cao hơn Phi-lip-pin. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. Ma-lai-xi-a thấp hơn Việt Nam. D. Cam-pu-chia cao hơn Việt Nam.

Câu 15: Lúa nước là cây trồng quan trọng của Đông Nam Á chủ yếu là do

- A. có nhiều đồng bằng lớn. B. dân số ngày càng đông.
C. phục vụ cho xuất khẩu. D. giải quyết nhiều việc làm.

Câu 16: Hiện tượng “nồm ẩm” ở miền Bắc nước ta là do ảnh hưởng của

- A. gió mùa Tây Nam. B. gió Tín phong Bắc bán cầu.
C. gió mùa Đông Bắc. D. gió Tín phong Nam bán cầu.

Câu 17: Công nghiệp chế biến thực phẩm của Đông Nam Á phát triển dựa trên các thế mạnh chủ yếu là

- A. nguồn vốn đầu tư nhiều và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
B. nguồn lao động rất dồi dào và giàu kinh nghiệm sản xuất.
C. cơ sở hạ tầng khá hiện đại và có nguồn lao động dồi dào.
D. nguồn nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 18: Đô thị hóa ở nước ta phát triển trong thời gian gần đây chủ yếu là do

- A. quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh. B. nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường.
C. quá trình hội nhập quốc tế và khu vực. D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn.

Câu 19: Hiện nay, nước ta có tỉ suất sinh thô giảm và tương đối thấp, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. số người trong độ tuổi sinh đẻ ít. B. thực hiện tốt chính sách dân số.
C. đời sống nhân dân còn khó khăn. D. phổ biến xu hướng sống độc thân.

Câu 20: Lao động trong khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp) của nước ta còn chiếm tỉ trọng khá cao, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. tập trung phát triển nông nghiệp. B. quá trình đô thị hóa còn chậm.
C. công nghiệp phân bố chưa hợp lí. D. quá trình công nghiệp hóa chậm.

Câu 21: Nhân tố chủ yếu nào sau đây đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay?

- A. Khoa học và công nghệ ngày càng tiến bộ.
B. Công nghiệp chế biến đáp ứng được nhu cầu.
C. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng.
D. Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng.

Câu 22: Để các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở nước ta đạt hiệu quả kinh tế cao nhất thì cần kết hợp với

- A. đào tạo lao động. B. công nghiệp chế biến.
C. đa dạng hóa cây trồng. D. đẩy mạnh quy hoạch.

Câu 23: Ở Đồng bằng sông Hồng, tỉ trọng cây công nghiệp và cây thực phẩm tăng dần, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. công nghiệp chế biến phát triển nhanh. B. có quy mô dân số đông nhất nước ta.
C. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng. D. trình độ thâm canh ngày càng nâng cao.

Câu 24: Cơ sở chế biến sữa thường tập trung ở các đô thị lớn của nước ta, nguyên nhân chủ yếu do

- A. lao động có trình độ cao.
- B. nguồn nguyên liệu dồi dào.
- C. cơ sở hạ tầng hoàn thiện.
- D. thị trường có nhu cầu lớn.

Câu 25: Giao thông đường biển nước ta ngày càng phát triển chủ yếu nhờ

- A. nhu cầu xuất khẩu hàng hóa lớn.
- B. mở rộng buôn bán với các nước.
- C. tàu thuyền ngày càng hiện đại.
- D. khách du lịch quốc tế tăng nhanh.

Câu 26: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy điện của nước ta là

- A. các sông có trữ năng không lớn.
- B. sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn, dốc.
- C. khí hậu phân hóa theo mùa rõ rệt.
- D. sông nhiều nước và giàu phù sa.

Câu 27: Hiện nay, công nghiệp ở một số vùng của nước ta chưa phát triển mạnh chủ yếu do

- A. thiếu nguồn lao động có tay nghề.
- B. nguồn tài nguyên phân bố rải rác.
- C. cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế.
- D. thị trường tiêu thụ gặp khó khăn.

Câu 28: Hoạt động giao thông vận tải đường sông nước ta đang gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Sự thất thường về chế độ nước theo mùa.
- B. Nhiều sông bắt nguồn từ ngoài lãnh thổ.
- C. Phương tiện vận tải đường sông hạn chế.
- D. Nguồn hàng cho vận tải đường sông còn ít.

Câu 29: Thời gian gần đây, nhiệt điện đã vươn lên dẫn đầu trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta chủ yếu do

- A. nhu cầu nước ngoài tăng, xuất khẩu thu ngoại tệ.
- B. đạt hiệu quả kinh tế cao, vốn đầu tư ban đầu nhỏ.
- C. không gây ảnh hưởng xấu tới tài nguyên, môi trường.
- D. có lợi thế về nhiên liệu, nhu cầu tiêu thụ điện năng.

Câu 30: Để giải quyết vấn đề lao động ở Đồng bằng sông Hồng, cần phải gắn liền với

- A. đẩy nhanh công nghiệp hiện đại.
- B. chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý.
- C. phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. khai thác tốt thế mạnh về dịch vụ.

Câu 31: Mùa mưa ở Nam Bộ thường kéo dài hơn Bắc Bộ, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động của

- A. gió Tín phong Bắc bán cầu.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. gió Tín phong Nam bán cầu.
- D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 32: “Nóng quanh năm, biên độ nhiệt nhỏ và bão thường ít xảy ra” là đặc điểm của kiểu khí hậu nào sau đây ở nước ta?

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Cận nhiệt lục địa.
- C. Cận nhiệt đới gió mùa.
- D. Cận xích đạo gió mùa.

Câu 33: Nhân tố chủ yếu nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi để cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên?

- A. Diện tích đất đỏ badan lớn.
- B. Khí hậu phân hóa theo độ cao.
- C. Nguồn nước ngầm dồi dào.
- D. Địa hình có nhiều đồi núi thấp.

Câu 34: Nhân tố nào sau đây góp phần làm rõ nét hơn “tính chất trẻ” của địa hình đồi núi nước ta?

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm.
- B. Hoạt động của gió mùa.
- C. Phát triển của sinh vật.
- D. Tác động của con người.

Câu 35: Khó khăn lớn nhất trong khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thiếu đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật.
- B. kỹ thuật tìm kiếm, thăm dò khoáng sản còn nhiều hạn chế.
- C. việc khai thác đòi hỏi công nghệ hiện đại và chi phí cao.
- D. thiếu nguồn vốn đầu tư phát triển và giao thông khó khăn.

Câu 36: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư vốn và nâng cấp cơ sở hạ tầng.
- B. bảo vệ môi trường và phát triển theo chiều sâu.
- C. phát triển khu công nghệ cao và đào tạo lao động.
- D. đẩy mạnh chế biến dầu khí và phát triển dịch vụ.

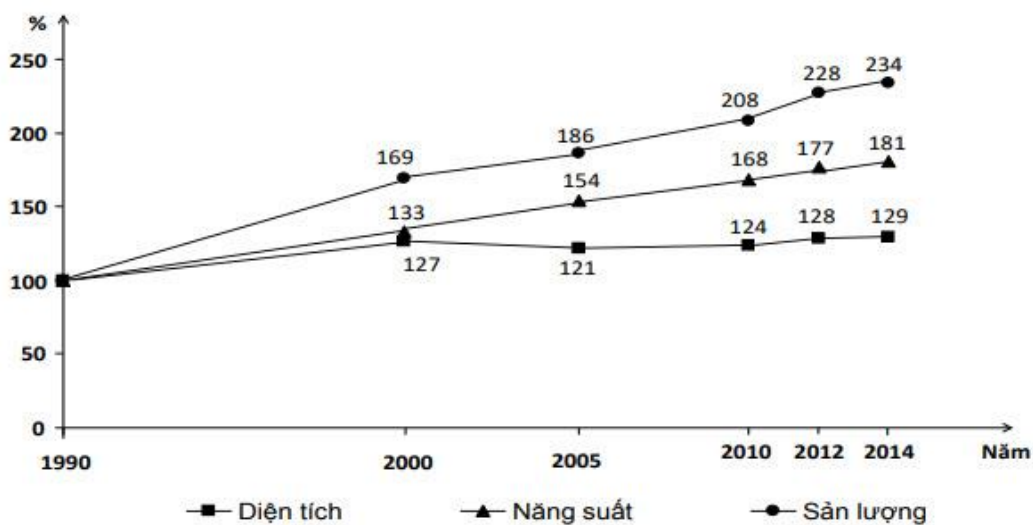
Câu 37: Thế mạnh phát triển kinh tế ở phía tây của Bắc Trung Bộ là

- A. lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc.
- B. thủy điện, trồng cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi gia súc.
- C. khai thác khoáng sản, trồng lúa nước, chăn nuôi gia cầm.
- D. cây ăn quả, khai thác lâm sản, cây công nghiệp ngắn ngày.

Câu 38: Nguyên nhân quan trọng nhất để Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất nước ta là

- A. người dân có nhiều kinh nghiệm trồng cao su.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc cung cấp nước.
- C. thị trường tiêu thụ cao su rộng lớn và ổn định.
- D. diện tích đất xám lớn thích hợp cho cây cao su.

Câu 39: Cho biểu đồ về tình hình sản xuất lúa của nước ta:



Biểu đồ thể hiện nội dung cụ thể nào sau đây?

- A. Qui mô về diện tích, năng suất, sản lượng lúa của nước ta qua các năm.
- B. Cơ cấu về diện tích, năng suất, sản lượng lúa của nước ta qua các năm
- C. Tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất, sản lượng lúa của nước ta qua các năm.
- D. Mối quan hệ về diện tích, năng suất, sản lượng lúa của nước ta qua các năm.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa cả năm của nước ta giai đoạn 2010-2019

Năm	2010	2013	2016	2019
Tổng diện tích lúa (Nghìn ha)	7489,4	7902,5	7737,1	7470,1
- Trong đó: Lúa hè thu (Nghìn ha)	2436,0	2810,8	2872,9	2734,4
Tổng sản lượng lúa (Nghìn tấn)	40005,6	44039,1	43165,1	43448,2
- Trong đó: Lúa hè thu (Nghìn tấn)	11686,1	14623,4	15232,1	14896,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng lúa của nước ta qua các năm, loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Cột.

----- HẾT -----

- Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của NXB Giáo dục Việt Nam.
- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.